

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/07/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+BK9+BK10	7:25	21+1+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	
2		P4+P1	7:25	18+4	0+0		10+12	0+0	
3		P3+P7	7:25	8+14	0+0		8+14	0+0	
4		TD3+RC3+RC10	9:25	22+0+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	chuyen 2 RC3-RC10
5		TD2+TD1+P9	9:25	8+0+14	0+0+0		4+1+17	0+0+0	chuyen 1 TD2-TD1, chuyen 1 td2-P9
6		TD5+TD3	9:25	19+3	0+0		14+8	0+0	
7		P3+P4+CTK3	11:25	8+12+2	0+0+0		8+12+2	0+0+0	
8		HST+AMD	11:25	5+16	0+0		5+17	0+0	
9		P1+PPD	13:30	19+3	0+0		16+6	0+0	
10		IGIH5+IGTH4+P4	13:30	8+4+10	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày P4-8ng, P3-3ng

Xân



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	TO: TD2 - BK9 - BK10	CREW: VThắng - Sơn - Vũ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GROMOV SERGEY	TD2	05	1	7		87	KHOAN	Russian
2	TRẦN TRONG ANH	TD2					73	KHOAN	Vietnamese
3	BUI HUU HONG	TD2					87	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	04	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	TD2	03	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	TD2	06	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	19	1	4	8	70	KHOAN	Vietnamese
9	LE PHU	TD2	07	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN GIA THAO	TD2	01	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
11	TRANG NGOC HUNG	TD2	02	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	TD2	10	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU TRUNG	TD2	08	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TINH	TD2	12	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN DUY ĐỨC	TD2	15	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGO VAN SON	TD2	13	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
17	LE HUYNH TRUNG	TD2	14	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HAI	TD2	11	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG XUAN KIEN	TD2	16	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC HOAN	TD2	09	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
21	BUI SY TRUONG	TD2	17-18	2	20		60	KHOAN	Vietnamese
22	TÔ CÔNG TANH	BK9	46	1	5	145	65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	19	145	1.514	8	16		
2	BK9	1	1	5	65	145	1		
3	BK10	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	20	150	1.579	153	22		
WEIGHT KG				150	1.579	153			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: P4 - P1	CREW: CHIẾN - V.Linh - Q.Trường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN HOA	P4					60	CA BR-VI	Vietnamese
2	VU VĂN TRỌNG	P4					84	CA BT-VI	Vietnamese
3	LÊ HỒNG ĐẠI	P4	30	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
4	LÊ TRƯỜNG SA	P4					66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MINH	P4	71	1	5		80	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN LINH	P4					79	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN THỊ HẰNG	P4					60	NIPI	Vietnamese
8	TRẦN DINH CHUÔNG	P4					68	TRƯỜNG V	Vietnamese
9	VÕ DUY TOÀN	P4	62	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY THAI	P4	64	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH QUÂN	P4	66-67	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	68	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THAI SƠN	P4	31	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	65	1	11		86	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	72	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI MINH TUÂN	P4	70	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	63	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN NGỌC TUÂN	P4	69	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
19	BABKIN A.	P1	44	1	8	60	95	KH-THAC	Russian
20	KISELEV I	P1	43	1	4		100	KH-THAC	Russian
21	TRẦN KIM CUƠNG	P1	41	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ KIẾN TRUNG	P1	42	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

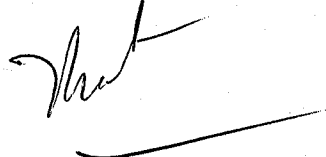
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	13	95	1.283	0	10		
2	P1	4	4	24	344	60	12		
TOTAL		22	17	119	1.627	60	22		
WEIGHT KG				119	1.627	60			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

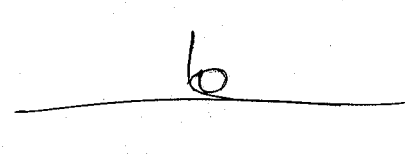
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/07/2023	TO: P3 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - Thành	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ CAO BIÊN	P3					65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN MINH	P3	30	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	ĐINH VĂN THANH	P3	36	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SỸ CÔNG	P3	31	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH PHONG	P3	35	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	32	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	YANCHENKO	P3	87	1	5		80	ANTOAN	Russian
9	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P7	27	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	26	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	P7	34	1	7	15	70	KH-THAC	Vietnamese
12	HUỲNH THANH TÂM	P7	17-19	3	19		90	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯỜNG VĂN QUANG	P7	25	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	16	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LỢI	P7	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P7	15	1	5	75	63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THIÊN	P7	23	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TÂN	P7	24	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VƯƠNG VĂN THỐNG	P7	32-33	2	10		65	YTE	Vietnamese
20	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	22	1	4		72	PSV	Vietnamese
21	ĐẠU CÔNG SAU	P7	21	1	3		72	PSV	Vietnamese
22	MAI VĂN TOÀN	P7	14	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	8	7	35	565	0	8		
2	P7	14	17	86	992	90	14		
TOTAL		22	24	121	1.557	90	22		
WEIGHT KG				121	1.557	90			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/07/2023	TO: TD3 - RC3 - RC10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:58
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Linh - XTrường - Vũ	ETA: 11:50
Hồng - 2			

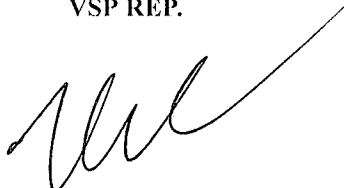
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HIẾU	TD3	73	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	41	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ NGỌC THANH	TD3	28-29	2	10		69	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM THANH DŨNG	TD3	74	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	68	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VĂN BÁC	TD3					79	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG HIẾU	TD3	66	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUANG PHÚC	TD3	62	1	3		46	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	TD3	60	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỒNG VĂN THỊNH	TD3	67	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TIẾN	TD3	69	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC THANH	TD3	63	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH TUÂN	TD3	64-65	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG BA VINH	TD3	72	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN TRUNG	TD3	61	1	7		69	YTE	Vietnamese
16	LA THANH	TD3	31	1	7	22	73	YTE	Vietnamese
17	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	75	1	6	20	75	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG BANG	TD3	71	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
19	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	70	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
20	QUÁCH THẾ ANH	TD3	27	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3	32	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC BAO TÚ	TD3	30	1	6		57	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	23	135	1.566	42	18		CHUYEN 2 PAX RC3-RC10
2	RC3	0	0	0	0	0	2		
3	RC10	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	23	135	1.566	42	20		
WEIGHT KG				135	1.566	42			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

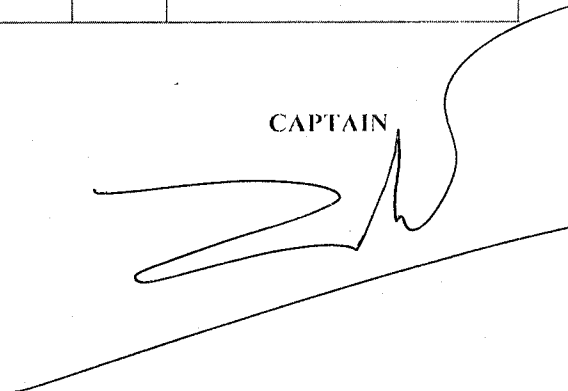
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: TD2 - TD1 - P9	CREW: CHIÊN - V.Linh - Q.Trường	ETA: 11:40
XANH-2			

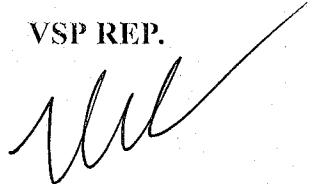
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ XUÂN	TD2	33	1	11	23	88	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU TRIET	TD2	27	1	10	40	65	DVL	Vietnamese
3	BUI BACH DUONG	TD2	28	1	15		70	DVL	Vietnamese
4	TRAN QUOC HUONG	TD2	23	1	13		92	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC SON	TD2	26	1	18		70	DVL	Vietnamese
6	TRAN CONG CHIEN	TD2	22	1	14		80	DVL	Vietnamese
7	LUONG MANH HAI	TD2	24-25	2	20		77	DVL	Vietnamese
8	VU DAI DINH	TD2	32	1	4		69	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN BA LUONG	P9					68	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGOC LAM	P9	53	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN DOANH	P9					73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DAM	P9	55	1	8		86	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN LE KIEN	P9	55	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HAO	P9	62	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG CUONG	P9	54	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN QUOC TUAN	P9	59	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUY HUNG	P9	58	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TUAN LONG	P9	63-64	2	8		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN QUANG	P9	57	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
20	LE XUAN TUYEN	P9					61	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG ANH TUAN	P9	61	1	9		63	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN MANH TUAN	P9	60	1	11		77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	9	105	611	63	4	12	CHUYEN 1 PAX TD2-TD1, 1 PAX TD2-P9
2	TD1	0	0	0	0	0	1		
3	P9	14	12	83	1.002	0	17		
TOTAL		22	21	188	1.613	63	22		
WEIGHT KG				188	1.613	63			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

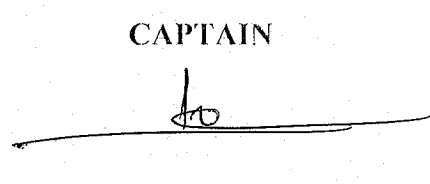
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/07/2023	TO: TD5 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - Thành	ETA: 11:45
CAM-2			

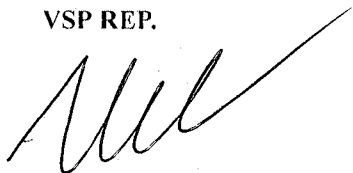
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	59	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	63	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
3	BUI DINH PHUC	TD5	64	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
4	HA THANH TUNG	TD5	51	1	6	70	87	KHOAN	Vietnamese
5	TU DUONG DUNG	TD5	66	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
6	CAO ĐỨC HAI	TD5	52	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
7	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	57	1	6		100	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN VĂN LAM	TD5	72	1	10		80	NIPI	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	55-56	2	15		68	YTE	Vietnamese
10	PHẠM XUAN HAI	TD5					72	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM XUAN THUY	TD5	61	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	53	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HOAN	TD5	60	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
14	LIU XUAN HANH	TD5	54	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
15	LE TIEN DUNG	TD5	58	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
16	LUONG MINH PHUNG	TD5	67	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
17	LIU THE DIEN	TD5	65	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	62	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
19	LE MANH HUNG	TD5					69	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN MINH	TD3	03	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẠO VĂN THẮNG	TD3	01	1	5		54	PSV	Vietnamese
22	LE XUAN TINH	TD3	02	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

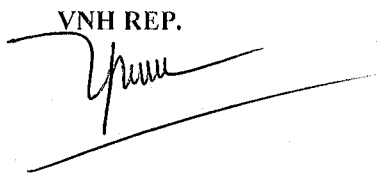
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	18	94	1.400	70	14		
2	TD3	3	3	17	204	0	8		
TOTAL		22	21	111	1.604	70	22		
WEIGHT KG				111	1.604	70			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/07/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: P3 - P4 - CTK3	CREW: HUNG - NPhú - PTUÂN	ETA: 14:00
CAM-3			

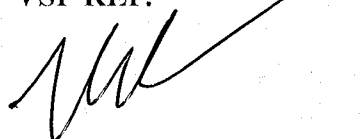
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN MẠNH	P3	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG AN	P3	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THIÊN THANH	P3	52	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ĐỨC HUNG	P3	50-51	2	7		90	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHI DÂN	P3	49	1	5		60	YTE	Vietnamese
6	PHẠM VĂN TUÂN	P3	53-54	2	15		85	PSV	Vietnamese
7	VƯƠNG ĐỨC HUY	P3	56	1	15		100	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT TOÀN	P3	55	1	6		95	PSV	Vietnamese
9	ĐO MẠNH DŨNG	P4	35	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HOÀNG LONG	P4	37	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG	P4	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	36	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU VĂN ĐẠT	P4	28-29	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HOÀNG	P4	34	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀM VĂN QUANG	P4	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH THẮNG	P4	31	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ TÂN DŨNG	P4	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HỒNG TRUNG	P4	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MẠNH CUÔNG	P4	32	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH HUNG	CTK3	02-03	2	10	50	65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG THANH	CTK3	06,08	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	8	10	67	664	0	8		
2	P4	12	13	66	823	0	12		
3	CTK3	2	4	25	135	50	2		
TOTAL		22	27	158	1.622	50	22		
WEIGHT KG				158	1.622	50			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/07/2023	TO: HST - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - Toan	ETA: 14:05
TRANG-3			

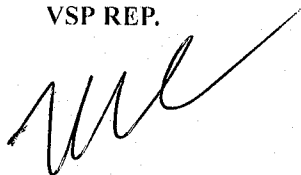
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	13-14	2	20		83	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NHA	HST	11	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH TÙNG	HST	16	1	6	30	67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT THANG	HST	15	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TỊNH	HST	12	1	12		80	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG DUNG	AMD	18-19	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	10	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ANH MINH	AMD	12	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HIỆU THAO	AMD	17	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
10	DUYNG VĂN ĐÔNG	AMD	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO VĂN SAU	AMD	15-16	2	20		67	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	20-21	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MẠNH HÀ	AMD	13-14	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH HỮU TỊNH	AMD	07	1	5	85	65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DOÀN DUÂN	AMD	09	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI BA HUNG	AMD	06	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO QUANG HUÂN	AMD	08	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VĂN GIANG	AMD	200	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	AMD	02-04	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SỰ	AMD	05	1	6		67	PSV	Vietnamese
21	TRẦN CAO TẶNG	AMD	11	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

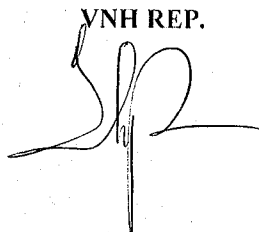
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	5	6	60	360	30	5		
2	AMD	16	22	132	1.084	85	17		
TOTAL		21	28	192	1.444	115	22		
WEIGHT KG				192	1.444	115			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

